

Số: 56/TB - UBND

Yên Trạch, ngày 05 tháng 10 năm 2022

THÔNG BÁO

**Về việc công bố công khai thực hiện dự toán thu chi ngân sách xã
9 tháng đầu năm 2022**

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ YÊN TRẠCH

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015, căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thực hiện luật;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT - BTC, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số: 3579/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện Phú Lương về việc giao chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2022 huyện Phú Lương;

Căn cứ Nghị quyết số: 19/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân xã Yên Trạch, khóa XX, nhiệm kỳ 2021-2026, kỳ họp thứ 3 về việc phê chuẩn dự toán thu chi ngân sách xã Yên Trạch năm 2022;

Thực hiện nhiệm vụ thu chi ngân sách xã 6 tháng đầu năm 2022. Ủy ban nhân dân xã Yên Trạch ra thông báo công khai chỉ tiêu, biểu mẫu và thuyết minh số liệu thực hiện dự toán ngân sách xã 9 tháng đầu năm 2022 như sau:

1. Nội dung công khai: Công khai thực hiện dự toán 9 tháng đầu năm 2022: biểu 113, 114, 115.

2. Thời gian công khai: từ ngày 07/10 đến hết ngày 06/11/2022

3. Hình thức công khai: Niêm yết công khai tại bảng tin của UBND xã Yên Trạch, công khai trên hệ thống thông tin điện tử UBND xã.

Giao cho Văn phòng UBND xã, Ban tài chính xã đôn đốc và giám sát thực hiện công khai theo đúng quy định.

Nơi nhận:

- Phòng TCKH huyện;
- Đảng ủy, HĐND;
- Các ban ngành, đoàn thể xã;
- Lưu: VP, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Biểu
Nguyễn Văn Biểu

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ YÊN TRẠCH**



Biểu số 113/CKTC-NSNN

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ 9 THÁNG NĂM 2022

(Kèm theo thông báo số /TB-UBND ngày 07/10/2022 của UBND xã Yên Trạch)

NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN	ƯỚC TH 9 THÁNG	SO SÁNH
<u>TỔNG SỐ THU</u>	5.956.500.000	5.014.283.996	84%
1. Các khoản thu xã hưởng 100%	167.500.000	113.085.000	68%
2. Các khoản thu chia theo tỷ lệ %	73.000.000	112.735.606	154%
3. Thu quản lý qua ngân sách		54.170.000	
3. Thu bổ sung	5.716.000.000	4.732.443.390	83%
- Bổ sung có cân đối	5.716.000.000	4.300.000.000	75%
- Bổ sung có mục tiêu	0	432.443.390	
4. Thu chuyển nguồn	0	1.850.000	
<u>TỔNG SỐ CHI</u>	5.956.500.000	4.165.629.978	70%
1. Chi đầu tư phát triển		73.220.000	
2. Chi thường xuyên.	5.840.500.000	4.092.409.978	70%
3. Dự phòng tiết kiệm chi	116.000.000		0%
4. Chi khác (hoàn trả NS cấp trên)			

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH 9 THÁNG NĂM 2022

(Kèm theo thông báo số /TB-UBND ngày 07/10/2022 của UBND xã Yên Trạch)

STT	Nội dung	DỰ TOÁN				ƯỚC THỰC HIỆN 9 THÁNG ĐẦU NĂM			So sánh	
		Tổng số	XDCB	Thường xuyên	Tổng số	XDCB	Thường xuyên	Tổng số	XDCB	Thường xuyên
A	B	1	2	3	4	5	6	7 = 4/1	8 = 5/2	9 = 6/3
	Tổng chi	5.956.500.000	0	5.956.500.000	4.165.629.978	73.220.000	4.092.409.978	70%		69%
1	Chi Giáo dục				0					
2	Chi công tác tự vệ, trật tự an toàn xã hội	744.617.000		744.617.000	512.756.130		512.756.130	69%		69%
3	Chi y tế	0		0						
4	Chi văn hóa thông tin	31.500.000		31.500.000	6.123.040		6.123.040	19%		19%
5	chi phát thanh truyền thanh	0		0						
6	Chi thể dục thể thao	22.500.000		22.500.000	16.650.000		16.650.000	74%		74%
7	Chi bảo vệ môi trường	31.500.000		31.500.000				0%		0%
8	Chi các hoạt động kinh tế				73.220.000	73.220.000				
9	Chi HD của cơ quan QLNN, Đảng, đoàn thể	4.802.452.000		4.802.452.000	3.465.873.375		3.465.873.375	72%		72%
10	Chi công tác xã hội	132.931.000		132.931.000	91.007.433		91.007.433	68%		68%
11	Chi khác				0					
12	Dự phòng, tiết kiệm chi	191.000.000		191.000.000	0					0%



**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ YÊN TRẠCH**

Biểu số 115/CKTC-NSNN

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ 9 THÁNG NĂM 2022

(Kèm theo thông báo số /TB-UBND ngày 07/10/2022 của UBND xã Yên Trạch)

STT	Nội dung	DỰ TOÁN NĂM			ƯỚC TH 6 THÁNG/2022		So sánh	
		THU NSNN	THU NS XÃ	THU NSNN	THU NS XÃ	THU NSNN	THU NS XÃ	
A	B	1	2	4	5	6	7	
	Tổng thu	242.500.000	5.956.500.000	292.363.775	5.014.283.996	120,6%	84,2%	
I	Các khoản thu 100%	167.500.000	167.500.000	113.085.000	167.255.000	67,5%	99,9%	
1	Phí lệ phí	90.000.000	90.000.000	78.585.000	78.585.000	87,3%	87,3%	
	Lệ phí môn bài							
2	Thu từ Quỹ đất công ích và đất công							
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp							
4	Đóng góp của nhân dân theo quy định							
5	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức			54.170.000	54.170.000			
6	Thu kết dư ngân sách năm trước							
7	Thu khác	77.500.000	77.500.000	34.500.000	34.500.000	44,5%	44,5%	
8	Thu hồi các khoản chi năm trước			0	0			
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %	75.000.000	73.000.000	179.278.775	112.735.606	154,4%	154,4%	
1	Thuế thu nhập cá nhân từ HĐ kinh doanh	25.000.000	23.000.000	107.484.346	53.742.174	429,9%	233,7%	
2	Thuế thu nhập cá nhân từ CN BDS			643.650				
3	Thuế nhà đất							
4	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ KD	0	0	13.700.000	13.700.000			
5	Thuế SD đất nông nghiệp			2.942.620	2.942.620			
6	Lệ phí trước bạ	0	0	24.314.699	12.157.352			
7	Thuế GTGT	50.000.000	50.000.000	30.193.460	30.193.460	60,4%	60,4%	
III	Thu bổ sung ngân sách từ cấp trên		5.716.000.000	0	4.732.443.390		82,8%	
1	Thu bổ sung cân đối		5.716.000.000		4.300.000.000		75,2%	
2	Thu bổ sung có mục tiêu		0		432.443.390			
IV	Thu chuyển nguồn		0	0	1.850.000			